TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2017/HSST
Ngày:24/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn.**

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà **Vũ Thị Minh Huệ** – Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt** – Nghề nghiệp: Công chức nhà nước.

Nơi công tác: Nhà thiếu nhi thị xã L.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc Song Yến –** Cán bộ Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà*: Ông Mai Văn Hùng** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 86/2017/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN XUÂN H (Tên gọi khác: N)

Sinh năm 1996, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Làm biển. Trình độ học vấn: 6/12.

Con ông: Nguyễn Quốc T, sinh năm 1947 và bà: Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1951.

Có 8 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ 6.

Vợ, con: Không có.

Tiền án – Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt vào ngày 18/8/2017; hiện đang bị tạm giam tại Nhà giam giữ – Công an thị xã L (Có mặt tại phiên tòa).

2. NGUYỄN VĂN MẠNH H

Sinh năm 1995, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Lơ xe. Trình độ học vấn: 6/12.

Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1968 và bà: Lê Thị Vũ H, sinh năm 1967.

Có 4 chị, em ruột, bị cáo là con thứ 2.

Vợ, con: Không có.

Tiền án – Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của cơ quan cảnh sát điều tra số 29, ngày 25.8.2017 (Có mặt tại phiên tòa).

**** Người bị hại***:

- Ông **Nguyễn Lynh Đ**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận **** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1995 (Có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

2. Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

3. Ông **Văn Tuấn D**, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Xuân H và Nguyễn Văn Mạnh H bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 22/3/2017, Nguyễn Xuân H đi ngang qua khu phố 9, phường Phước Hội (gần Trường tiểu học Phước Hội 1) thì phát hiện trước nhà dân có dựng chiếc mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 86 B3 – 036.41 (là xe của anh Nguyễn Lynh Đ). Thấy không có người trông coi nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe để cầm cố lấy tiền tiêu xài. H đi đến thì trên xe có sẵn chìa khóa, nên mở cốp xe thì thấy có 01 chiếc ví. H bỏ ví này vào túi quần rồi lén lút dắt xe ra nổ máy chạy theo đường Thống Nhất lên phường Tân Thiện, kiểm tra ví thấy có giấy đăng ký xe và một số giấy tờ khác. Sau đó, H đến một số tiệm cầm đồ để cầm cố xe nhưng vì không có giấy chứng minh nhân dân nên không ai đồng ý. Đến khoảng 11 giờ, H chạy xe mô tô trộm được đến nhà bạn tên Nguyễn Văn Mạnh H tại khu phố 3, phường Bình Tân. Khi gặp, H nói chiếc xe mô tô là do trộm cắp mà có và nhờ H cầm cố giúp để lấy tiền xài thì H đồng ý. H chở Hiền đi đến một số tiệm cầm đồ nhưng cũng không cầm cố được vì cả hai không có giấy chứng minh nhân dân, đến khoảng

13 giờ thì quay về lại nhà H. Lúc này H tiếp tục hỏi H còn quen chỗ nào cầm đồ không thì H nhớ đến người bạn là Nguyễn Văn S (sinh năm 1995, tên thường gọi là M) ở gần chợ L nên nói H chở đến gặp S. Khi gặp S, H nói đây là xe mô tô của gia đình cầm với số tiền 5.000.000 đồng nên S đồng ý rồi lấy xe cùng giấy đăng ký để đi cầm cố giúp. S chạy xe mô tô đến tiệm mua bán xe cũ của anh Nguyễn Văn V (sinh năm 1972), do quen biết nên anh V tin tưởng và đã cầm cố chiếc xe mô tô trên cho S với số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền này, khi về, S đưa lại cho H 5.000.000 đồng, H đưa lại cho S 500.000 đồng mua ma túy đá để cả ba người cùng sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, H và H đi về. Đến tối cùng ngày, S gặp anh V lấy thêm 500.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền S cầm cố xe là 10.500.000 đồng. Đến chiều ngày 23/3/2017, anh V chạy xe lên nhà anh Nguyễn Công P tại khu phố 10, phường Phước Hội chơi. Thấy chiếc xe anh V sử dụng giống với xe của anh Đ bị mất nên P gọi điện báo cho anh Nguyễn Đình L (là người bán xe mô tô cho anh Đ) biết. Sau đó, anh L báo cho Đ biết rồi cùng chạy lên nhà P thì xác nhận đúng là xe của Đ bị mất nên báo Công an phường đến thu giữ. Đối với chiếc ví và một số giấy tờ bên trong gồm chứng minh nhân dân, bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe của anh Đ do H cất giấu trước nhà của H, đến ngày 25/3/2017, ông Nguyễn Văn N (cha của H) đã tìm thấy và gửi trả lại cho anh Đ.

Sau khi biết việc trộm cắp bị phát hiện, H đã bỏ trốn, đến ngày 18/8/2017 thì bị bắt giữ. Riêng Nguyễn Văn Mạnh H lúc đầu khai khi giúp H cầm cố xe thì không biết đây là tài sản do H trộm cắp mà có. Sau khi H bị bắt thì H thừa nhận đã biết rõ nguồn gốc xe do H trộm cắp nhưng vẫn đồng ý giúp cầm cố, lời khai này của H phù hợp với lời khai của H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-ĐGTS ngày 11/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã La Gi, kết luận: giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 86 B3 – 03641 mà Nguyễn Xuân H chiếm đoạt của anh Nguyễn Lynh Đ là 10.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án và yêu cầu dân sự: Cơ quan điều tra đã trả xe mô tô và giấy đăng ký xe cho anh Nguyễn Lynh Đ, anh Đ không yêu cầu bồi thường. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn V không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết đối với số tiền 10.500.000 đồng đã đưa cho anh Nguyễn Văn S. Anh Nguyễn Văn S cũng không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết đối với số tiền 5.000.000 đồng mà anh Sáng đã đưa cho bị cáo H.

Tại bản cáo trạng số: 82/QĐ-VKS ngày 11/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Xuân H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Truy tố bị cáo Nguyễn Văn Mạnh H về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L vẫn giữ nguyên nội dung truy tố, không bổ sung gì thêm, đồng thời phát biểu quan điểm luận tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Đối với bị cáo Nguyễn Xuân H

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H, mức án từ: 12 đến 18 tháng tù giam.

2. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Mạnh Hiền

Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; Điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Mạnh H, mức án từ: 06 đến 09 tháng tù giam.

Về phần dân sự: Tại phiên tòa, anh V và anh S không yêu cầu HĐXX giải quyết mà các bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết. Anh S cũng không yêu cầu HĐXX giải quyết về phần dân sự đối với bị cáo H mà để thỏa thuận với người nhà bị cáo nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết về phần dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng: Các quyết định và hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về nội dung vụ án: Tại Tòa, bị cáo Nguyễn Xuân H và Nguyễn Văn Mạnh H thừa nhận hành vi đúng như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố. Xét, lời khai của các bị cáo tại Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để xác định:

Vào khoảng 09 giờ ngày 22/3/2017, tại khu phố 9, phường Phước Hội (gần trường tiểu học Phước Hội 1), Nguyễn Xuân H phát hiện 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 86 B3 – 036.41 (chủ xe là anh Nguyễn Lynh Đ) đang dựng trước nhà dân, trên xe cắm sẵn chìa khóa và không có người trông giữ xe nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe để cầm cố lấy tiền tiêu xài. H lấy chìa khóa xe để mở cốp xe, lấy đi 01 ví trong cốp, bỏ vào túi rồi lén lút dắt

xe ra nổ máy chạy theo đường Thống Nhất. Khi chạy xe đến gần bến xe cũ, H lấy ví ra để kiểm tra thì thấy có giấy đăng ký xe và một số giấy tờ khác. Sau đó, Nguyễn Xuân H đến một số tiệm cầm đồ để cầm cố xe vừa trộm cắp nhưng không được vì H không có giấy chứng minh nhân dân. Đến khoảng 11 giờ ngày 22/3/2017, H chạy xe mô tô trộm được đến gặp bạn của H là Nguyễn Văn Mạnh H tại khu phố 3, phường Bình Tân. Khi gặp, H có nói với H là xe mới trộm cắp được, nhờ H cầm cố giúp để lấy tiền tiêu xài, Nguyễn Văn Mạnh H đã đồng ý giúp. H lấy đi giấy chứng nhận đăng ký mô tô mang tên Nguyễn Văn M, sinh năm: 1973, còn ví cùng các giấy tờ khác trong ví, H giấu dưới tảng đá chẻ trước nhà H. H và H cùng đi cầm cố xe máy Sirius trên nhưng không cầm được vì cả hai không có chứng minh nhân dân. Đến khoảng 13 giờ ngày 23/3/2017, H và H quay về lại nhà H, lúc này H tiếp tục hỏi H còn quen chỗ nào cầm đồ không thì H nhớ đến người bạn là Nguyễn Văn S (sinh năm 1995, tên thường gọi là M) nên H nói H chở đến gặp S. Khi gặp, H tự nói với S đây là xe mô tô của gia đình, cầm cố để lấy tiền trả nợ cá độ và H muốn cầm với giá 5.000.000 đồng, đồng thời đưa cho S giấy chứng nhận đăng ký mô tô. S lái xe mô tô mà Nguyễn Xuân H trộm cắp được đến gặp anh Nguyễn Văn V (sinh năm 1972), khi được hỏi nguồn gốc xe thì S nói xe của gia đình S, nhưng giá cầm cố xe là 10.000.000 đồng, anh V tin tưởng S nên liên lạc cho anh Văn Tuấn D (sinh năm 1968) để hỏi có nhận cầm cố xe mô tô Sirius trên với giá 10.000.000 đồng không. Anh D đồng ý nên đã đến gặp V, đưa cho V số tiền 10.000.000 đồng và lấy giấy chứng nhận đăng ký xe. Anh Nguyễn Văn V giao 10.000.000 đồng cho S và lấy xe mô tô Sirius để sử dụng. Anh Nguyễn Văn S đưa lại cho Nguyễn Xuân H 5.000.000 đồng, H đưa lại cho S 500.000 đồng mua ma túy đá để H, H và S cùng sử dụng, còn lại 4.500.000 đồng, Nguyễn Xuân H đã tiêu xài hết cho nhu cầu cá nhân, không chia cho H. Ngày hôm sau, S đi gặp anh V để lấy thêm 500.000 đồng tiền cầm xe Sirius. Như vậy, tổng số tiền S nhận được do cầm cố xe mà Nguyễn Xuân H trộm cắp là 10.500.000 đồng. Đến chiều ngày 23/3/2017, anh Nguyễn Lynh Đ phát hiện được anh V đang sử dụng xe mô tô của mình nên báo Công an phường thu giữ. Đối với chiếc ví và một số giấy tờ bên trong gồm chứng minh nhân dân, bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe của anh Đ do Hữu cất giấu trước nhà của H, đến ngày 25/3/2017, ông Nguyễn Văn N (cha của H) đã tìm thấy và gửi trả lại cho anh Đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-ĐGTS ngày 11/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L, kết luận: giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 86 B3 – 03641 mà Nguyễn Xuân H chiếm đoạt của anh Nguyễn Lynh Đ là 10.000.000 đồng.

Đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Xuân H đã có hành vi lén lút, lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của chủ xe trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt xe mô tô Sirius, biển số 86 B3 – 03641 của anh Nguyễn Lynh Đ, trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ của công dân Nguyễn Lynh Đ. Giá trị tài sản mà Nguyễn Xuân H đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Lynh Đ là 10.000.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Xuân H đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1

Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Xuân H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Mạnh H, tuy không hứa hẹn, bàn bạc hay thỏa thuận trước với H về việc tiêu thụ tài sản nhưng sau khi biết rõ xe Sirius biển số 86 B3 – 03641 là do Nguyễn Xuân H trộm cắp mà có, H vẫn đồng ý giúp đỡ H tiêu thụ xe bằng cách giới thiệu người nhận cầm cố. Hành vi của H xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn Mạnh H đã phạm vào tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự nam 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Văn Mạnh H về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Văn V có hành vi nhận cầm cố tài sản trộm cắp nhưng quá trình điều tra xác định, khi nhận cầm cố, Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn V đều không biết xe mô tô hiệu Sirius, biển số 86 B3 – 03641 là tài sản do Nguyễn Xuân H phạm tội mà có nên hành vi của Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn V không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, cơ quan CSĐT Công an thị xã L không đề nghị xử lý Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn V là phù hợp.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo Nguyễn Xuân H và Nguyễn Văn Mạnh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo Nguyễn Xuân H và Nguyễn Văn Mạnh H đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự khi phạm tội. Đối với Nguyễn Xuân H biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, lười lao động, thích hưởng thụ nên đã phạm tội. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Mạnh H, mặc dù biết rõ chiếc xe là tài sản phạm pháp mà có nhưng không trình báo cho cơ quan chức năng về sự việc, còn tìm cách giúp đỡ bị cáo H tiêu thụ tài sản. Ngoài ra, trong lời khai ban đầu tại Cơ quan điều tra, H đã gian dối, không thừa nhận việc biết nguồn gốc xe, đến khi Nguyễn Xuân H bị bắt thì Nguyễn Văn Mạnh H mới cung cấp lời khai chính xác. Hành vi của các bị cáo H, H gây nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, đã gây mất trật tự, an ninh tại địa phương. Do đó, để lập lại trật tự trị an cho xã hội, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý nghiêm để không những răn đe, giáo dục cho chính bị cáo mà còn làm gương cho người khác.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Xuân H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cả hai bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân tốt và chưa có tiền án – tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p

khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định về hình phạt bổ sung của tội trộm cắp tài sản: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng"; Tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi , bổ sung năm 2009 quy định về hình phạt bổ sung của tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tôi mà có: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này". Do đó, các bị cáo H, H có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đen đỏ, biển số 86 B3 – 03641 và giấy chứng nhận đăng ký mô tô cho anh Nguyễn Lynh Đ, việc trả lại tài sản là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét.

Về dân sự: Anh Nguyễn Lynh Đ không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn V không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết đối với số tiền 10.500.000 đồng đã đưa cho anh Nguyễn Văn S. Anh Nguyễn Văn S cũng không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết đối với số tiền 5.000.000 đồng mà anh S đã đưa cho bị cáo H. Giữa anh V và anh S sẽ tự thỏa thuận giải quyết, anh S sẽ thỏa thuận giải quyết với người nhà bị cáo H. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần dân sự trong vụ án này. Tại phiên tòa, anh V thừa nhận đã trả lại cho anh Văn Tuấn D số tiền 5.000.000 đồng, anh D cũng không yêu cầu gì đối với số tiền 5.000.000 đồng còn lại. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Do đó, phần đề nghị về vấn đề dân sự của Viện kiểm sát là phù hợp quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Xuân H và Nguyễn Văn Mạnh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Tuyên bố**: Bị cáo Nguyễn Xuân H (tên gọi khác là N) phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo Nguyễn Văn Mạnh H phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

*** Áp dụng**: Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

*** Xử phạt**: Bị cáo Nguyễn Xuân H (Nhiễu) 12 (mười hai) tháng tù giam. Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ (18/8/2017).

*** Áp dụng**: Khoản 1 Điều 250; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

*** Xử phạt**: Bị cáo Nguyễn Văn Mạnh H 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

*** Về phần dân sự:** Không giải quyết trong vụ án này, do các đương sự không yêu cầu.

*** Về án phí**: Điều 98 và Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Xuân H (N) và Nguyễn Văn Mạnh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tx. L;
- Chi cục THADS tx. L;
- Công an tx. L;
- UBND.p. Phước Lộc;
- UBND.p. Bình Tân
- Bị cáo, người bị hại và người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ – án văn.